

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẠC LIÊU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 06/2022/HNGĐ-PT
Ngày 15 - 9 - 2022
V/v ly hôn, tranh chấp về nuôi con,
chia tài sản khi ly hôn.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẠC LIÊU

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Châu Minh Nguyệt

Các Thẩm phán:

Ông Bùi Anh Tuấn

Bà Nguyễn Thị Thu Hương

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Yến - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Văn Nhỏ - Kiểm sát viên.

Ngày 15 tháng 9 năm 2022, Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xét xử phúc thẩm công khai, trực tuyến vụ án hôn nhân và gia đình phúc thẩm thụ lý số 08/2022/TLPT-HNGĐ ngày 23 tháng 8 năm 2022 về việc ly hôn, tranh chấp về nuôi con, chia tài sản khi ly hôn. Do Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 09/2022/QĐ-PT ngày 30 tháng 8 năm 2022.

Tại điểm cầu trung tâm gồm có: Hội đồng xét xử phúc thẩm, Kiểm sát viên và Thư ký phiên tòa.

Điểm cầu thành phần tại Tòa án nhân dân huyện Q, gồm có các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Chị A, sinh năm 1991; Địa chỉ: Ấp 16B, xã M, thị xã N, tỉnh Bạc Liêu (có đơn xin vắng mặt).

- *Bị đơn:* Anh B, sinh năm 1992; Địa chỉ: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu (có mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của anh B: Chị C, sinh năm 1993; Địa chỉ: Ấp R, xã S, huyện T, tỉnh Bạc Liêu (văn bản ủy quyền ngày 12/9/2022) (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*

1. Ông D, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt).

2. Bà E, sinh năm 1954 (Có đơn xin vắng mặt).

Cùng địa chỉ: Ấp O, xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

3. Ngân hàng TMCP K.

Trụ sở: Số 198, phố U, phường V, quận Y, Hà Nội; Người đại diện theo pháp luật: Ông F – Chủ tịch Hội đồng quản trị; Người đại diện theo ủy quyền: Ông G – Giám đốc Chi nhánh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền số 363/UQ-VCB.PC ngày 06/12/2019); Người được ủy quyền lại: Anh H – Phó trưởng Phòng Giao dịch Phường 3, thành phố Z, tỉnh Bạc Liêu (Văn bản ủy quyền ngày 01/6/2022) (Có đơn xin vắng mặt).

- *Người kháng cáo:* Bị đơn anh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Về hôn nhân: Chị A và anh B chung sống từ năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện Q, tỉnh Bạc Liêu và đã được cấp Giấy chứng nhận kết hôn theo quy định pháp luật vào ngày 16/01/2012. Trong quá trình sống chung do vợ chồng có nhiều mâu thuẫn nên cuộc sống không hạnh phúc. Nay chị A yêu cầu được ly hôn với anh B, anh B đồng ý ly hôn với chị A.

- Về con chung: Quá trình chung sống chị A và anh B có 02 con chung tên A1 (sinh ngày 29/8/2011) và A2 (sinh ngày 25/11/2014), hiện cháu A1 đang sống chung với chị A và cháu A2 đang sống chung với anh B. Chị A yêu cầu Tòa án căn cứ vào nguyện vọng của các con để quyết định người trực tiếp nuôi dưỡng, người không trực tiếp nuôi con không phải cấp dưỡng nuôi con. Anh B yêu cầu được nuôi 02 con chung, không yêu cầu A cấp dưỡng nuôi con, nếu chị A nuôi con thì anh không đồng ý cấp dưỡng.

- Về tài sản chung:

+ Theo chị A trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 chiếc xe ô tô hiệu FORTUNER2.4G 4x2AT, biển số kiểm soát 94A-056.11 do anh B đứng tên giấy đăng ký xe, anh B đang quản lý, sử dụng xe ô tô; 01 cây (lượng) vàng 18K chị A đang quản lý. Chị A yêu cầu nhận lại 200.000.000 đồng đã góp mua xe ô tô, đồng ý giao lại cho anh B 05 chỉ vàng 18K chị đang quản lý.

+ Theo anh B trình bày tài sản chung của vợ chồng gồm có 01 cây (lượng) vàng 18K chị A đang quản lý; số tiền 150.000.000 đồng vợ chồng dành dụm góp vào mua 01 chiếc xe ô tô hiệu FORTUNER2.4G 4x2AT, biển số kiểm soát 94A-056.11 do anh B đứng tên giấy đăng ký xe, anh B đang quản lý, sử dụng xe ô tô. Anh B xác định xe ô tô là tài sản riêng của anh B nên yêu cầu được sở hữu riêng. Anh B đồng ý giao lại cho A 75.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền vợ chồng dành dụm góp vào mua xe ô tô, không đồng ý giao 200.000.000 đồng theo yêu cầu của chị A; Yêu cầu chị A giao lại cho anh 05 chỉ vàng 18K.

Quá trình thụ lý giải quyết vụ án tại Tòa án cấp sơ thẩm, các đương sự có đặt ra tài sản gồm 02 chỉ vàng 24k và 01 xe mô tô, biển số kiểm soát 94L1-4165 do anh B đứng tên. Tuy nhiên, do chị A xác định không có nghề nghiệp, dịch bệnh bùng phát nên đã bán 02 chỉ vàng 24k chi tiêu cho cuộc sống chung, trả tiền góp mua xe ô tô, anh B thống nhất không yêu cầu chia tài sản chung đối với 02 chỉ vàng 24k; Xe mô tô biển kiểm soát 94L1-4165 anh B và chị A thống nhất là tài sản riêng của anh B, chị A đã giao trả xe cho anh B nên anh B, chị A thống nhất không đặt ra yêu cầu phân chia. Ngoài ra, vợ chồng không còn tài sản chung nào khác.

- Về nợ chung: Anh B và chị A thống nhất có vay Ngân hàng TMCP K - Chi nhánh Bạc Liêu số tiền 530.000.000 đồng, mục đích vay mua xe ô tô biển số kiểm soát 94A-056.11. Nay chị A yêu cầu anh B có trách nhiệm tự trả nợ; Anh B xác định nếu chị A đồng ý nhận 75.000.000 đồng là $\frac{1}{2}$ số tiền vợ chồng góp vào mua xe ô tô thì anh sẽ tự nguyện trả nợ Ngân hàng, không yêu cầu chị A có trách nhiệm cùng trả. Ngoài ra, vợ chồng không còn nợ chung nào khác.

- *Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 13/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà E trình bày:* Do ông D, bà E lớn tuổi nên để cho con trai là anh B đứng tên giấy đăng ký xe ô tô, biển số kiểm soát 94A-056.11 và quản lý xe ô tô này. Khi chị A và anh B ly hôn, ông bà yêu cầu chị A và anh B trả lại cho ông bà chiếc xe ô tô, biển số kiểm soát 94A-056.11.

- *Tại Đơn yêu cầu độc lập ngày 29/4/2022, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan Ngân hàng TMCP K (viết tắt là Ngân hàng) trình bày:* Ngày 04/9/2020, giữa Ngân hàng và anh B, chị A ký kết hợp đồng vay, theo đó, Ngân hàng cho anh B, chị A vay số tiền 530.000.000 đồng, thời hạn vay là 60 tháng, mục đích vay mua xe ô tô, tiền lãi và tiền gốc trả hàng tháng. Để đảm bảo khoản vay, chị A và anh B đã ký kết hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ với Ngân hàng ngày 04/9/2020, chị A và anh B thế chấp xe ô tô mang biển số kiểm soát 94A-056.11. Tính đến ngày 28/4/2022, anh B và chị A còn nợ số tiền gốc 353.517.327 đồng, nợ lãi 183.927 đồng. Yêu cầu anh B, chị A tiếp tục thực hiện thanh toán nợ vay cho Ngân hàng theo đúng hợp đồng tín dụng đã ký kết, trong trường hợp không thanh toán nợ đúng theo hợp đồng, yêu cầu phát mãi tài sản để thanh toán nợ vay.

Từ nội dung trên, tại Bản án Hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu đã quyết định:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu A1 (sinh ngày 29/8/2011) cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu A1 đang sống cùng chị A).

Giao cháu A2 (sinh ngày 25/11/2014) cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu A2 đang sống cùng anh B).

2.2. Chị A đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A1, anh B đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A2, nên chị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A1, anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A2.

2.3. Chị A, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.4. Chị A, anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị A, anh B không có yêu cầu.

3. Về chia tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh B.

3.1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh B và chị A.

Chị A có trách nhiệm giao lại cho anh B được sở hữu 05 (Năm) chỉ vàng 18K. Chị A được quyền sở hữu 05 (Năm) chỉ vàng 18K (hiện chị đang quản lý).

3.2. Anh B được sở hữu xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, mang biển số kiểm soát 95A-056.11 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022)

3.3. Anh B có trách nhiệm hoàn trả cho chị A 198.149.373 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng).

3.4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh B đòi sở hữu toàn bộ xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, mang biển số kiểm soát 95A-056.11 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022)

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị A đòi anh B hoàn lại số tiền 1.850.627 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

6. Đình chỉ đối với yêu cầu của anh B về việc chia 02 chỉ vàng 24K (vàng thị trường) và trả lại xe mô tô 94L1-4165 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

7. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông D, bà E.

8. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP K.

8.1. Buộc anh B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay còn nợ 353.701.254 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng), trong đó tiền vay gốc 353.517.327 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi 183.927 đồng (Một trăm tám mươi ba ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng).

8.2. Kể từ ngày tiếp theo (ngày 29/4/2022) anh B phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh B phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

8.3. Trường hợp anh B không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 346/VCB.BLI.P3.20 ngày 04 tháng 9 năm 2020 là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, mang biển số kiểm soát 95A-056.11 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

Án sơ thẩm còn tuyên về chi phí tố tụng, án phí, quyền yêu cầu thi hành án và quyền kháng cáo của các đương sự theo quy định pháp luật.

- Ngày 29 tháng 7 năm 2022, bị đơn anh B kháng cáo (đơn gửi qua dịch vụ bưu chính – BL 255-256) yêu cầu tuyên bố xe ô tô 94A-05611 là tài sản riêng của anh B và không đồng ý chịu án phí trả nợ Ngân hàng do không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xem xét hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm xem xét vượt quá yêu cầu của nguyên đơn, xem xét không đúng yêu cầu độc lập của Ngân hàng.

Tại phiên tòa phúc thẩm người đại diện của bị đơn anh B vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Quan điểm Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Bạc Liêu tại phiên tòa:

- *Về việc chấp hành pháp luật tố tụng:* Từ khi thụ lý đến khi xét xử phúc thẩm, Thẩm phán và Hội đồng xét xử phúc thẩm đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự, các đương sự cũng đã chấp hành đúng các quy định.

- *Về quan điểm giải quyết vụ án:* Viện kiểm sát đề nghị căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa phúc thẩm; sau khi nghị án. Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về thủ tục tố tụng: Nguyên đơn chị A và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông D, bà E và người đại diện của Ngân hàng TMCP K có yêu cầu xét

xử vắng mặt nên việc xét xử vắng mặt các đương sự nêu trên là đúng theo quy định tại khoản 2 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Về nội dung vụ án: Bản án hôn nhân và gia đình sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B, xử cho chị A và anh B ly hôn. Giao cháu A1 (sinh ngày 29/8/2011) cho chị A; Giao cháu A2 (sinh ngày 25/11/2014) cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục; Chị A, anh B không cấp dưỡng nuôi con do các đương sự không yêu cầu. Xét thấy, anh B và chị A không kháng cáo, Viện kiểm sát không kháng nghị đối với các nội dung này nên các nội dung này của bản án sơ thẩm đã có hiệu lực pháp luật, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

[4] Xét nội dung kháng cáo của anh B yêu cầu tuyên bố xe ô tô biển kiểm soát 94A-05611 là tài sản riêng của anh B: Xét thấy, tại Hợp đồng thế chấp phương tiện giao thông đường bộ và Hợp đồng cho vay (BL 173-187), thể hiện chị A và anh B cùng đứng tên Hợp đồng vay và cùng đứng tên thế chấp tài sản là xe ô tô biển số kiểm soát 94A-056.11. Trong các hợp đồng, anh B, chị A đều xác định đây là tài sản chung của vợ chồng (BL 182). Hợp đồng thế chấp tài sản được công chứng hợp pháp theo quy định nên căn cứ khoản 2 Điều 92 của Bộ luật Tố tụng dân sự đây là những tình tiết, sự kiện không phải chứng minh. Mặt khác, xe ô tô biển số kiểm soát 94A-056.11 là tài sản được tạo lập trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp của chị A và anh B, anh B và chị A thống nhất thừa nhận nguồn tiền để mua xe do vợ chồng dành dụm, do cha mẹ tặng cho và vay Ngân hàng để mua. Riêng số tiền 450.000.000 đồng của ông D, bà E, chị A cho rằng ông D và bà E tặng cho vợ chồng số tiền này để mua xe, anh B cho rằng ông D và bà E tặng cho riêng anh. Xét thấy, anh B đã ký kết tại Hợp đồng thế chấp ngày 04/9/2020 xác định xe ô tô biển số kiểm soát 94A-056.11 là tài sản chung của vợ chồng, do đó, nếu là tiền tặng cho riêng thì các văn bản hợp đồng được công chứng hợp pháp nêu trên là căn cứ chứng minh anh B đồng ý nhập tiền được tặng cho vào tài sản chung.

[5] Mặt khác, suốt quá trình giải quyết vụ án tại cấp sơ thẩm, ông D và bà E không thừa nhận tặng cho số tiền 450.000.000 đồng, ông bà cho rằng chỉ cho mượn tiền và nhờ anh B đứng tên hộ tài sản, ông D và bà E có yêu cầu độc lập trong vụ án buộc chị A và anh B trả lại cho ông bà chiếc xe ô tô biển số kiểm soát 94A-056.11. Tại bản án sơ thẩm của Tòa án huyện Q đã phân tích, đánh giá chứng cứ và tuyên xử ông D, bà E không cung cấp được chứng cứ chứng minh ông bà nhờ anh B đứng tên giấy đăng ký xe ô tô, khẳng định có căn cứ ông D, bà E đã tặng cho số tiền 450.000.000 đồng và bác toàn bộ yêu cầu độc lập của ông D, bà E. Sau khi xét xử sơ thẩm, ông D, bà E không kháng cáo, nội dung này cũng không có kháng nghị nên đã có hiệu lực pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm xác định xe ô tô biển kiểm soát 94A-05611 là tài sản chung của vợ chồng anh B, chị A theo quy định tại khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 44; khoản 1, khoản 3 Điều 46 của Luật Hôn nhân và Gia đình là có căn cứ, đã có xem xét, đánh giá chứng cứ khách quan, đảm bảo đúng quy định pháp luật. Từ khi xét xử sơ thẩm đến nay, anh B kháng cáo nhưng cũng không cung cấp thêm chứng cứ mới để

chứng minh cho yêu cầu của anh. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B về việc yêu cầu tuyên bố xe ô tô biển kiểm soát 94A-05611 là tài sản riêng của anh B.

[6] Xét kháng cáo của anh B không đồng ý chịu án phí trả nợ Ngân hàng do không vi phạm nghĩa vụ trả nợ: Xét thấy, đủ căn cứ chứng minh trong thời kỳ hôn nhân hợp pháp, anh B và chị A có ký kết hợp đồng vay với Ngân hàng Thương mại Cổ phần K, mục đích vay để mua xe ô tô; như nhận định ở mục [5] xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng nên nợ này cũng là nợ chung của vợ chồng, đủ căn cứ chứng minh đây là khoản nợ chung của vợ chồng. Do đó, Tòa án cấp sơ thẩm chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện (yêu cầu độc lập) của Ngân hàng, buộc anh B và chị A cùng có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng là phù hợp quy định pháp luật. Anh B cho rằng không vi phạm nghĩa vụ trả nợ, tuy nhiên, khi anh B và chị A ly hôn sẽ ảnh hưởng đến việc thanh toán khoản vay nên cần xử lý số nợ vay theo yêu cầu của Ngân hàng trong cùng vụ án này để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng. Mặt khác, để đảm bảo thuận tiện trong việc thanh toán nợ trong giai đoạn thi hành án, cấp sơ thẩm đã giao cho anh B tiếp tục quản lý sở hữu xe ô tô, đối trừ số tiền nợ chị A có trách nhiệm phải trả Ngân hàng vào phần giá trị tài sản xe ô tô chị A được hưởng và anh B có nghĩa vụ phải hoàn trả cho chị A và buộc anh B trả nợ Ngân hàng là phù hợp. Căn cứ quy định tại khoản 6 Điều 26; điểm b khoản 7 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, anh B, chị A là *“người có nghĩa vụ đối với yêu cầu độc lập của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được Tòa án chấp nhận yêu cầu”*, Tòa án cấp sơ thẩm buộc anh B và chị A cùng có nghĩa vụ trả nợ Ngân hàng nên anh B và chị A *“phải chịu một phần án phí ngang nhau đối với phần tài sản thực hiện nghĩa vụ với bên thứ ba”*, mỗi người phải chịu 8.842.531 đồng là đúng quy định pháp luật. Do đó, cấp sơ thẩm giải quyết vụ án về án phí trả nợ Ngân hàng buộc anh B phải chịu là có căn cứ, đúng quy định pháp luật, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo của anh B về nội dung kháng cáo không đồng ý chịu án phí trả nợ Ngân hàng.

[7] Xét kháng cáo của anh B yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Bạc Liêu xem xét hủy án sơ thẩm do cấp sơ thẩm xem xét vượt quá yêu cầu của nguyên đơn, xem xét không đúng yêu cầu độc lập của Ngân hàng: Hội đồng xét xử xét thấy, tại biên bản hòa giải ngày 29/3/2022, chị A có yêu cầu chia đôi tài sản chung của vợ chồng gồm: Chiếc xe ô tô và 01 lượng vàng 24k, nhưng tại phiên tòa ngày 18/7/2022, do anh B không đồng ý với yêu cầu trên của chị nên chị mới yêu cầu chia 200.000.000 đồng góp để mua xe. Tuy nhiên, như đã nhận định ở mục [4], xác định xe ô tô là tài sản chung của vợ chồng anh B chị A và anh chị đã dùng tài sản nêu trên để thế chấp bảo đảm khoản vay của Ngân hàng nên Tòa án cấp sơ thẩm chia khi ly hôn là phù hợp đồng thời khi chị A và anh B ly hôn, sẽ ảnh hưởng đến việc thanh toán khoản vay nên cần xử lý số nợ vay theo yêu cầu của Ngân hàng để bảo đảm quyền lợi hợp pháp cho Ngân hàng; cấp sơ thẩm đã giao cho anh B tiếp tục quản lý sở hữu xe ô tô, đối trừ số tiền nợ chị A có

trách nhiệm phải trả Ngân hàng vào phần giá trị tài sản xe ô tô chị A được hưởng và anh B có nghĩa vụ phải hoàn trả cho chị A và buộc anh B trả nợ Ngân hàng là phù hợp. Do đó, không có căn cứ chấp nhận kháng cáo yêu cầu hủy án sơ thẩm của anh B.

[8] Xét ý kiến của Kiểm sát viên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, không chấp nhận kháng cáo của anh B, giữ nguyên Bản án Hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu. Hội đồng xét xử xét thấy đề nghị của Viện kiểm sát là có căn cứ nên được chấp nhận toàn bộ.

[9] Về án phí dân sự phúc thẩm anh B phải chịu.

[10] Các phần khác của bản án sơ thẩm không bị kháng cáo, kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật được giữ nguyên.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 308 của Bộ luật Tố tụng dân sự: Không chấp nhận kháng cáo của anh B; Giữ nguyên Bản án hôn nhân gia đình sơ thẩm số 44/2022/HNGĐ-ST ngày 18 tháng 7 năm 2022 của Tòa án nhân dân huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

Áp dụng khoản 2 Điều 5 ; khoản 1 Điều 28 ; điểm a khoản 1 Điều 35 ; điểm a khoản 1 Điều 39 ; khoản 2 Điều 92 ; khoản 2, khoản 4, khoản 5 Điều 147; khoản 2 Điều 157; khoản 2 Điều 165; khoản 1 Điều 158; khoản 1 Điều 166; khoản 2 Điều 244 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng khoản 1 Điều 33; khoản 1 Điều 44; khoản 1, khoản 3 Điều 46; khoản 1 Điều 56 ; khoản 3 Điều 82; khoản 1 Điều 83; khoản 1, khoản 2 Điều 81 của Luật Hôn nhân và Gia đình;

Áp dụng Điều 463; khoản 1 Điều 468; khoản 1 Điều 299; Điều 317; khoản 6 Điều 320; khoản 5, khoản 7 Điều 323 của Bộ luật Dân sự năm 2015;

Áp dụng khoản 2 Điều 91; khoản 1 Điều 95; điểm a khoản 3 Điều 98 của Luật các tổ chức tín dụng;

Áp dụng Điều 2 của Luật Người cao tuổi; điểm a, b khoản 1 Điều 24; khoản 1 Điều 26; điểm e khoản 5 Điều 27; điểm đ khoản 1 Điều 12; Điều 14; khoản 6 Điều 15 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc hội và tiểu mục 1.1, 1.3 phần II mục A của Danh mục án phí, lệ phí Tòa án (Ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016);

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị A đối với anh B. Cho ly hôn giữa chị A và anh B.

2. Về nuôi con chung:

2.1. Giao cháu A1 (sinh ngày 29/8/2011) cho chị A tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu A1 đang sống cùng chị A).

Giao cháu A2 (sinh ngày 25/11/2014) cho anh B tiếp tục trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục (cháu A2 đang sống cùng anh B).

2.2. Chị A đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu A1, anh B đang trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu A2, nên chị A được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu A1, anh B được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cháu cháu A2.

2.3. Chị A, anh B có quyền, nghĩa vụ thăm nom con, không ai được cản trở.

2.4. Chị A, anh B không có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con, do chị A, anh B không có yêu cầu.

3. Về chia tài sản: Chấp nhận một phần yêu cầu phản tố của bị đơn anh B.

3.1. Công nhận sự tự nguyện thỏa thuận giữa anh B và chị A.

Chị A có trách nhiệm giao lại cho anh B được sở hữu 05 chỉ vàng 18K. Chị A được quyền sở hữu 05 (Năm) chỉ vàng 18K (hiện chị đang quản lý).

3.2. Anh B được sở hữu xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, mang biển số kiểm soát 95A-056.11 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022)

3.3. Anh B có trách nhiệm hoàn trả cho chị A 198.149.373 đồng (Một trăm chín mươi tám triệu một trăm bốn mươi chín ngàn ba trăm bảy mươi ba đồng).

3.4. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

4. Không chấp nhận một phần yêu cầu của anh B đòi sở hữu toàn bộ xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, mang biển số kiểm soát 95A-056.11 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

(Theo Biên bản xem xét thẩm định tại chỗ ngày 11/3/2022)

5. Không chấp nhận một phần yêu cầu của chị A đòi anh B hoàn lại số tiền 1.850.627 đồng (Một triệu tám trăm năm mươi ngàn sáu trăm hai mươi bảy đồng).

6. Đình chỉ đối với yêu cầu của anh B về việc chia 02 chỉ vàng 24K (vàng thị trường) và trả lại xe mô tô 94L1-4165 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

7. Không chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của ông D, bà E.

8. Chấp nhận toàn bộ yêu cầu độc lập của Ngân hàng TMCP K.

8.1. Buộc anh B có trách nhiệm thanh toán cho Ngân hàng TMCP K số tiền vay còn nợ 353.701.254 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu bảy trăm lẻ một ngàn hai trăm năm mươi bốn đồng), trong đó tiền vay gốc 353.517.327 đồng (Ba trăm năm mươi ba triệu năm trăm mười bảy ngàn ba trăm hai mươi bảy đồng), nợ lãi 183.927 đồng (Một trăm tám mươi ba ngàn chín trăm hai mươi bảy đồng).

8.2. Kể từ ngày tiếp theo (ngày 29/4/2022) anh B phải thanh toán cho Ngân hàng thương mại cổ phần K tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng đã ký kết cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc này. (Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà anh B phải tiếp tục thanh toán cho ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay).

8.3. Trường hợp anh B không thanh toán nợ hoặc thanh toán không đầy đủ nợ cho Ngân hàng Thương mại Cổ phần K thì Ngân hàng Thương mại Cổ phần K có quyền yêu cầu Chi cục Thi hành án dân sự có thẩm quyền bán đấu giá tài sản thế chấp theo Hợp đồng thế chấp số 346/VCB.BLI.P3.20 ngày 04 tháng 9 năm 2020 là xe ô tô nhãn hiệu TOYOTA, mang biển số kiểm soát 95A-056.11 do anh B đứng giấy đăng ký xe.

9. Về chi phí tố tụng:

9.1. Chị A phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Anh B phải chịu 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng). Chị A đã nộp và chi xong 1.000.000 đồng (Một triệu đồng), anh B phải hoàn trả cho chị A 500.000 đồng (Năm trăm ngàn đồng).

9.2. Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự 2015.

10. Về án phí:

10. 1. Án phí sơ thẩm:

- Chị A phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân và gia đình và 10.898.468 đồng (Mười triệu tám trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) án phí có giá ngạch về chia tài sản chung, khấu trừ nộp tạm ứng án phí 5.300.000 đồng (Năm triệu ba trăm ngàn đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000727 ngày 26 tháng 11 năm 2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu, chị A còn phải nộp thêm 5.898.468 đồng (Năm triệu tám trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh B phải chịu 10.898.468 đồng (Mười triệu tám trăm chín mươi tám ngàn bốn trăm sáu mươi tám đồng) án phí có giá ngạch về chia tài sản chung,

khấu trừ nộp tạm ứng án phí 3.122.800 đồng (Ba triệu một trăm hai mươi hai ngàn tám trăm đồng) theo Biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0000801 ngày 14 tháng 01 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu, anh B còn phải nộp thêm 7.775.668 đồng (Bảy triệu bảy trăm bảy mươi lăm ngàn sáu trăm sáu mươi tám đồng) tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu.

- Anh B, chị A mỗi người phải chịu 8.842.531 đồng (Tám triệu tám trăm bốn mươi hai ngàn năm trăm ba mươi một đồng) án phí có giá ngạch đối với nghĩa vụ trả nợ cho Ngân hàng.

- Ông D, bà E được miễn toàn bộ án phí có giá ngạch.

- Ngân hàng TMCP K không phải chịu án phí, đã nộp 8.837.933 đồng (Tám triệu tám trăm ba mươi bảy ngàn chín trăm ba mươi ba đồng) tạm ứng án phí theo Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001064 ngày 17/6/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q được hoàn lại toàn bộ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q.

10. 2. Án phí phúc thẩm: anh B phải nộp 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng). Anh B đã nộp tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tại Biên lai thu số 0001135 ngày 04/8/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Q, tỉnh Bạc Liêu được chuyển thu án phí toàn bộ.

11. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và Điều 9 của Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án Dân sự.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TANDCC tại TP. Hồ Chí Minh (01 bản);
- VKSND tỉnh Bạc Liêu (01 bản);
- UBND xã P, huyện Q (01 bản);
- TAND huyện Q (01 bản);
- CCTHADS huyện Q (01 bản);
- Các đương sự (05 bản);
- Lưu HS, Tổ HCTP (02 bản).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đã ký tên và đóng dấu

Châu Minh Nguyệt